

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN ANI POWER**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54/2021/CV-ANP

Đồng Nai, ngày 19 tháng 05 năm 2021

"V/v: Đề nghị phê duyệt phương án  
trồng rừng thay thế diện tích rừng  
chuyển sang mục đích khác Dự án  
thủy điện Phú Tân 2 "

|                                     |               |
|-------------------------------------|---------------|
| SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH ĐỒNG NAI |               |
| ĐẾN                                 | Số: 0325      |
|                                     | Ngày: 24/5/21 |
| Lưu hồ sơ số: .....                 |               |

**Kính gửi: Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn**

Tên Chủ dự án: Công ty cổ phần ANI POWER

Địa chỉ: Khu 6, Ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 /10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Công ty cổ phần ANI POWER đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác: 4,66 ha.

2. Loại rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác

a) Theo mục đích sử dụng rừng: Rừng phòng hộ (3,58 ha), rừng sản xuất (0,08 ha).

b) Theo nguồn gốc hình thành: Rừng trồng

3. Diện tích đất để trồng rừng thay thế:

- Vị trí trồng rừng thay thế: Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, cụ thể như bảng sau:

| Stt         | Xã, huyện, tỉnh               | Tên hộ nhận khoán | TK  | Khoảnh | Lô Kiểm kê 2016 | Lô quản lý | Diện tích (ha) | Quy hoạch 3 loại rừng |
|-------------|-------------------------------|-------------------|-----|--------|-----------------|------------|----------------|-----------------------|
| 1           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | Lê Công Thu       | 163 | 6      | 55              | 7          | 2,15           | Đặc Dụng              |
| 2           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | Trịnh Bá Khánh    | 159 | 4      | 7               | 2          | 2,55           | Đặc Dụng              |
| <b>Tổng</b> |                               |                   |     |        |                 |            | <b>4,70</b>    |                       |

- Thuộc đối tượng đất quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng.

4. Kế hoạch trồng rừng thay thế

- Loại cây trồng: Là các loài cây gỗ lươn bản địa như: Dầu, Gõ đỏ, Sao, Huynh, Gõ mật, Giáng hương, Sấu tía,...

- Mật độ: 556 cây/ha (quy cách trồng 6 x 3 m)

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao các loài cây gỗ bản địa, trên cùng một lô có ít nhất từ hai loài cây trở lên.

- Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng: Trong 05 năm sau khi trồng

- Thời gian và tiến độ trồng: Cụ thể như bảng sau:

| Stt              | Hạng mục                       | ĐVT | Khối lượng | Kế hoạch thực hiện |            |            |            |            |
|------------------|--------------------------------|-----|------------|--------------------|------------|------------|------------|------------|
|                  |                                |     |            | Năm 2021           | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   |
| 1                | Trồng và chăm sóc năm thứ nhất | ha  | 4,7        | 4,7                |            |            |            |            |
| 2                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai   | ha  | 4,7        |                    | 4,7        |            |            |            |
| 3                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba    | ha  | 4,7        |                    |            | 4,7        |            |            |
| 4                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ tư    | ha  | 4,7        |                    |            |            | 4,7        |            |
| 5                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ năm   | ha  | 4,7        |                    |            |            |            | 4,7        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                |     |            | <b>4,7</b>         | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> |

- Xây dựng đường băng cản lửa: Làm đường băng cản lửa thiết kế bao quanh với tổng chiều dài băng cản lửa 1.725m, bề rộng băng cản lửa 8m.

- Mức đầu tư/ha: 165.525.198 đồng.

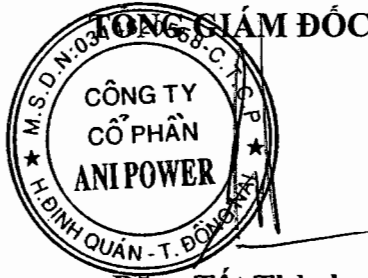
- Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế của Dự án thủy điện Phú tân 2 là 777.968.433 đồng.

Công ty cổ phần ANI POWER cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Trân trọng cảm ơn!.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu PTH.



**Đặng Tất Thành**

*Đồng Nai, ngày 19 tháng 05 năm 2021*

## **PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

### **I. Thông tin chung về chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

- Tên chủ dự án: Công ty cổ phần ANI POWER
- Quyết định thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp: 0314620558, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 11 năm 2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6, Ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
- Số tài khoản ngân hàng giao dịch: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Vietcombank chi nhánh Tây Sài Gòn, số tài khoản 1010141414.
- Lĩnh vực hoạt động: Công ty cổ phần ANI POWER là loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần ngoài nhà nước, đăng ký các ngành nghề kinh doanh cụ thể như sau:
  - + Trồng rừng và chăm sóc rừng;
  - + Nuôi trồng thủy sản nội địa;
  - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - + Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
  - + Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
  - + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
  - + Xây dựng công trình công ích;
  - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
  - + Buôn bán thực phẩm;
  - + Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
  - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - + Giáo dục nghề nghiệp;
  - + Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;



- + Đại lý du lịch;
- + Điều hành tua du lịch;
- + Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- + Dịch vụ ăn uống khác;
- + Hoạn động của các công viên vui chơi và các công viên theo chủ đề;
- + Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân bổ vào đâu;
- + Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên;
- + Cho thuê xe có động cơ;
- + Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng kinh doanh;

## **II. Căn cứ xây dựng**

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn v/v: Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

- Thông tư số: 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

- Thông tư số: 13/2019/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Thông tư số: 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án thủy điện Phú Tân 2, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;

- Văn bản số: 3783/UBND-KTN, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc trồng rừng thay thế của Công ty cổ phần ANI POWER;

- Biên bản làm việc, ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai, Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai, Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai và Công ty cổ phần ANI POWER Về việc thống nhất địa điểm và giải

pháp thực hiện trồng rừng thay thế của Công ty cổ phần ANI POWER dự án Thủy điện Phú Tân 2.

### III. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác

1. Tên dự án: Dự án thủy điện Phú Tân 2

2. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (thống kê theo lô rừng)

| Stt         | Lô | Vị trí |          |                                | Đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh) | Diện tích (ha) | Chia ra                    |               |               |             |                 | Trữ lượng     |  |
|-------------|----|--------|----------|--------------------------------|-------------------------------------|----------------|----------------------------|---------------|---------------|-------------|-----------------|---------------|--|
|             |    | Khoảnh | Tiểu khu | Phân theo nguồn gốc            |                                     |                | Phân theo mục đích sử dụng |               |               | Gỗ (m3)     | Tre, nứa, (cây) |               |  |
|             |    |        |          | Rừng tự nhiên                  |                                     |                | Rừng trồng                 | Rừng đặc dụng | Rừng phòng hộ |             |                 | Rừng sản xuất |  |
| 1           | 4  | 5      | 108      | Thanh Sơn, Định Quán, Đồng Nai | 0,07                                |                | 0,07                       |               | 0,07          |             |                 |               |  |
| 2           | 5  | 5      | 108      |                                | 0,01                                |                | 0,01                       |               | 0,01          |             |                 |               |  |
| 3           | 5  | 10     | 111      |                                | 1,59                                |                | 1,59                       |               |               |             |                 |               |  |
| 4           | 6  | 10     | 111      |                                | 0,1                                 |                | 0,1                        |               |               |             |                 |               |  |
| 5           | 7  | 10     | 111      |                                | 0,27                                |                | 0,27                       |               |               |             |                 |               |  |
| 6           | 8  | 10     | 111      |                                | 0,25                                |                | 0,25                       |               | 0,25          |             |                 |               |  |
| 7           | 10 | 10     | 111      |                                | 0,04                                |                | 0,04                       |               |               |             |                 |               |  |
| 8           | 1  | 4      | 127      |                                | 0,02                                |                | 0,02                       |               |               |             |                 |               |  |
| 9           | 2  | 4      | 127      |                                | 0,02                                |                | 0,02                       |               |               |             |                 |               |  |
| 10          | 4  | 4      | 127      |                                | 0,06                                |                | 0,06                       |               |               |             |                 |               |  |
| 11          | 6  | 4      | 127      |                                | 0,51                                |                | 0,51                       |               | 0,51          |             |                 |               |  |
| 12          | 7  | 4      | 127      |                                | 0,19                                |                | 0,19                       |               |               |             |                 |               |  |
| 13          | 8  | 4      | 127      |                                | 0,35                                |                | 0,35                       |               |               |             |                 |               |  |
| 14          | 9  | 4      | 127      |                                | 0,45                                |                | 0,45                       |               |               |             |                 |               |  |
| 15          | 10 | 4      | 127      |                                | 0,5                                 |                | 0,5                        |               |               |             |                 |               |  |
| 16          | 11 | 4      | 127      |                                | 0,04                                |                | 0,04                       |               |               |             |                 |               |  |
| 17          | 12 | 4      | 127      |                                | 0,12                                |                | 0,12                       |               |               |             |                 |               |  |
| 18          | 13 | 4      | 127      |                                | 0,07                                |                | 0,07                       |               |               |             |                 |               |  |
| <b>Tổng</b> |    |        |          |                                | <b>4,66</b>                         |                | <b>4,66</b>                |               | <b>4,58</b>   | <b>0,08</b> |                 |               |  |

3. Mục đích sử dụng đối với diện tích rừng sau khi chuyển mục đích sử dụng: Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án thủy điện Phú Tân 2, huyện Định Quán.

### IV. Nội dung phương án trồng rừng thay thế

## 1. Diện tích đất trồng rừng thay thế:

- Vị trí trồng: Trên địa bàn quản lý của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, cụ thể theo bảng sau:

| Stt         | Xã, huyện, tỉnh               | TK  | Khoảnh | Lô Kiểm kê 2016 | Lô quản lý | Diện tích lô (ha) | Diện tích trồng rừng thay thế (ha) | Quy hoạch 3 loại rừng |
|-------------|-------------------------------|-----|--------|-----------------|------------|-------------------|------------------------------------|-----------------------|
| 1           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 163 | 6      | 55              | 7          | 2,15              | 2,15                               | Đặc Dụng              |
| 2           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 159 | 4      | 7               | 2          | 3,14              | 2,55                               | Đặc Dụng              |
| <b>Tổng</b> |                               |     |        |                 |            | <b>5,29</b>       | <b>4,70</b>                        |                       |

## 2. Kế hoạch trồng rừng thay thế:

### 2.1. Trồng rừng

(1) Giải pháp kỹ thuật: Trồng mới các loài cây gỗ lớn bản địa đảm bảo sự đa dạng về tổ thành loài và mật độ cây gỗ lớn trên tất cả các lô trồng rừng thay thế.

(2) Loài cây trồng: Là các loài cây gỗ lớn bản địa như: Dầu, Sao, Gỗ mật, Sấu tía,...

(3) Tiêu chuẩn cây giống đem trồng:

- Cây gỗ bản địa đem trồng là cây gieo từ hạt, có bầu, được gieo tạo và nuôi dưỡng, chăm sóc trong vườn ươm từ 16 tháng trở lên (cây 2 năm tuổi), để có khả năng cạnh tranh và thích nghi cao với hoàn cảnh rừng. Cây khỏe mạnh, tán lá xanh, cứng, cân đối, không sâu bệnh, cụt ngọn; rễ cọc không vượt ra khỏi đáy bầu và không bị cong vòng, xoắn; cây có tỉ lệ D/H cân đối. Cây có chiều cao H<sub>vn</sub> = 1,0 m, đường kính cổ rễ: D<sub>0,0</sub> = 1,0 cm.

- Trước khi đem cây đi trồng 15 – 20 ngày phải tiến hành đảo bầu lần cuối và tưới đẫm nước cho bầu trước khi trồng 1 ngày.

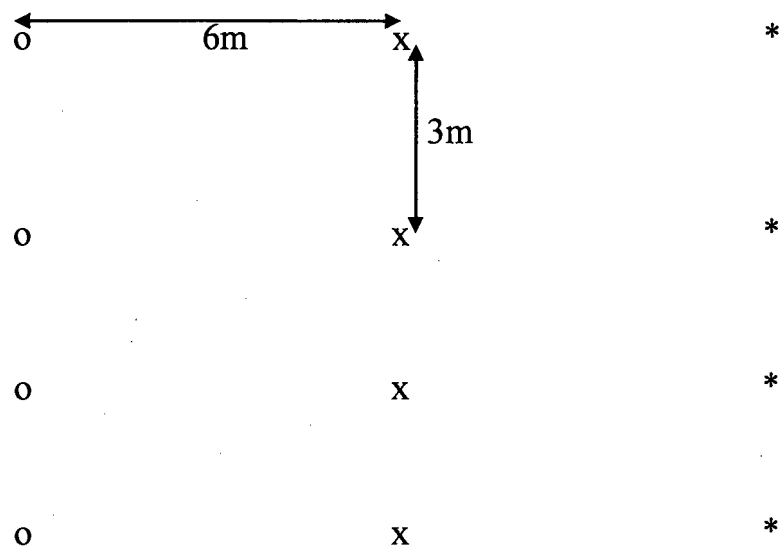
- Nguồn gốc cây giống trồng rừng thực hiện đúng theo quy chế quản lý giống của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

(4) Phương thức trồng, công thức trồng, mật độ trồng:

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao các loài cây gỗ bản địa, trên cùng một lô có ít nhất từ hai loài cây trở lên; trồng theo hàng. Tùy thuộc vào đặc tính sinh thái từng loài cây trồng, khả năng kết nhóm giữa các loài với nhau và tùy thuộc vào đặc điểm thổ nhưỡng, địa hình cụ thể của từng lô thiết kế để lựa chọn nhóm loài cây trồng cho phù hợp. Trên mỗi hàng trồng, chỉ trồng một loài cây; các hàng kế cận nhau không có sự giống nhau về loài.

- Công thức trồng:

Sơ đồ công thức trồng



Ghi chú:

(o, x, \*): Các loài cây gỗ lớn trồng mới

Cự ly cây gỗ lớn sau khi trồng: Hàng cách hàng = 6m; cây cách cây = 3m.

- Mật độ cây gỗ lớn sau khi trồng 556 cây/ha.

(5) Phương pháp trồng rừng: Trồng rừng bằng cây con có bầu, trồng theo phương pháp thủ công.

(6) Thời vụ trồng: Rừng được trồng vào giữa mùa mưa (khoảng từ đầu tháng 7) năm 2021.

(7) Kỹ thuật trồng:

- Xử lý thực bì:

+ Phương thức: Phát dọn dây leo, cỏ dại, cây bụi và cây Keo lai tái sinh trên lô bằng thủ công; gốc phát để lại ↑ 10cm;

+ Thời gian thực hiện: Đầu tháng 6 năm 2021.

- Đào hố:

+ Phương pháp: Thủ công.

+ Yêu cầu kỹ thuật:

. Thiết kế chi tiết: Trước khi cuốc hố, phải thiết kế chi tiết vị trí hố trồng theo công thức trồng rừng nêu trên. Vị trí hố trồng được cắm cọc tiêu để đánh dấu. Cọc tiêu được làm bằng cành cây hoặc cây le, tre chiều dài 0,8 – 1,0 m, đường kính 1,5 – 2,0 cm, sơn đỏ đầu trên.

. Quy cách hố trồng cây gỗ lớn: (50 x 50 x 50) cm.

- Bón lót cho cây trồng: Phân bón lót là phân vi sinh, liều lượng bón 2,0 kg/hố.

- Phương pháp trồng rừng

+ Thời gian thực hiện: Từ giữa tháng 7.

+ Phương pháp: Thủ công.

+ Yêu cầu kỹ thuật:

. Trước khi trồng phải lấp hố bằng lớp đất tơi xốp (đất tầng A) trộn với phân vi sinh.

. Trồng cây con có bầu, cây được đặt thẳng đứng giữa hố, phải ngấm cho cây thật ngay ngắn, mặt bầu thấp hơn mặt đất tự nhiên 5cm; dùng lưới lam rạch nhẹ, lột túi bầu Polyetylen, dùng đất tầng A còn lại lấp toàn bộ hố và dùng tay nén đất xuống cho chặt, không được nén trên bầu làm vỡ bầu; rải thuốc chống mối xung quanh miệng bầu (1,5 kg/100 cây), sau đó vun đất trên mặt hố thành hình mâm xôi cao hơn mặt đất tự nhiên 5 – 10 cm. Sau khi trồng 10 – 15 ngày phải kiểm tra và trồng dặm cho đảm bảo mật độ thiết kế.

## 2.2. Chăm sóc rừng

Rừng được chăm sóc 5 năm liên tục, năm thứ nhất: chăm sóc 1 lần; các năm còn lại: mỗi năm 2 lần.

- Lần thứ nhất

+ Thời gian thực hiện: Trong tháng 7 – 8.

+ Phương pháp: Thủ công

. Yêu cầu kỹ thuật: Phát dọn hết dây leo, cỏ dại, cây bụi và cây ngoại lai tái sinh, gốc phát để lại ↑ 10 cm; cắt và dọn sạch dây leo đeo quần trên thân cây trồng gỗ lớn và cây tái sinh tự nhiên thân gỗ có triển vọng, kết hợp tia cành nhân tạo, cắt các thân phụ của cây họ Dầu, chỉ giữ lại một thân chính có triển vọng nhất.

+ Trồng dặm những cây gỗ lớn bị chết (đối với năm đầu).

+ Bón thúc phân NPK 20 – 20 – 15 với liều lượng 0,15 kg/gốc (đối với năm thứ hai và thứ ba).

+ Xạc cỏ, xới đất, vun gốc cây trồng, đường kính 1m (đối với 3 năm đầu).

- Lần thứ hai:

+ Thời gian thực hiện: Trong tháng 11 – 12.

+ Phương pháp: Thủ công.

. Yêu cầu kỹ thuật: Phát dọn hết dây leo, cỏ dại, cây bụi và cây ngoại lai tái sinh, gốc phát để lại ↑ 10 cm; cắt và dọn sạch dây leo đeo quần trên thân cây trồng gỗ lớn và cây tái sinh tự nhiên thân gỗ có triển vọng.

. Trong lần chăm sóc này kết hợp với công tác PCCR đầu mùa khô: Làm đường băng cản lửa thiết kế bao quanh với tổng chiều dài băng cản lửa 1.725m, bề rộng băng cản lửa 8m.



### 2.3. Thời gian và tiến độ thực hiện trồng rừng

| Stt              | Hạng mục                       | ĐVT | Khối lượng | Kế hoạch thực hiện |            |            |            |            |
|------------------|--------------------------------|-----|------------|--------------------|------------|------------|------------|------------|
|                  |                                |     |            | Năm 2021           | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   |
| 1                | Trồng và chăm sóc năm thứ nhất | ha  | 4,7        | 4,7                |            |            |            |            |
| 2                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai   | ha  | 4,7        |                    | 4,7        |            |            |            |
| 3                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba    | ha  | 4,7        |                    |            | 4,7        |            |            |
| 4                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ tư    | ha  | 4,7        |                    |            |            | 4,7        |            |
| 5                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ năm   | ha  | 4,7        |                    |            |            |            | 4,7        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                |     |            | <b>4,7</b>         | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> |

### 2.4. Dự toán kinh phí đầu tư và nguồn vốn trồng rừng thay thế

- Mức đầu tư/ha: 165.525.198 đồng

- Tổng vốn đầu tư trồng rừng: 777.968.433 đồng (có biểu chi tiết kèm theo)

- Nguồn vốn đầu tư: Do Công ty cổ phần ANI POWER chủ đầu tư Dự án thủy điện Phú Tân 2 đầu tư toàn bộ kinh phí.

### V. Kiến nghị

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao cho Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai lập thiết kế, dự toán kinh phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng thay thế trong 5 năm liên tục và trực tiếp tổ chức thực hiện phương án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Kính trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai xem xét, thẩm định và phê duyệt phương án trồng rừng thay thế để Công ty ANI POWER làm cơ sở thực hiện việc trồng rừng thay thế./.

#### Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT, CCKL;
- UBND huyện Định Quán, Vĩnh Cửu;
- Khu Bảo tồn TN-VH Đồng Nai;
- Lưu Văn thư.

### CÔNG TY CỔ PHẦN ANI POWER



## PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

### **I. Thông tin chung về chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

- Tên chủ dự án: Công ty cổ phần ANI POWER
- Quyết định thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp: 0314620558, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 11 năm 2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6, Ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
- Số tài khoản ngân hàng giao dịch: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Vietcombank chi nhánh Tây Sài Gòn, số tài khoản 1010141414.
- Lĩnh vực hoạt động: Công ty cổ phần ANI POWER là loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần ngoài nhà nước, đăng ký các ngành nghề kinh doanh cụ thể như sau:
  - + Trồng rừng và chăm sóc rừng;
  - + Nuôi trồng thủy sản nội địa;
  - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - + Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
  - + Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
  - + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
  - + Xây dựng công trình công ích;
  - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
  - + Buôn bán thực phẩm;
  - + Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
  - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - + Giáo dục nghề nghiệp;
  - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
  - + Đại lý du lịch;
  - + Điều hành tua du lịch;
  - + Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

- + Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- + Dịch vụ ăn uống khác;
- + Hoạn động của các công viên vui chơi và các công viên theo chủ đề;
- + Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân bổ vào đầu;
- + Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên;
- + Cho thuê xe có động cơ;
- + Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng kinh doanh;

## **II. Căn cứ xây dựng**

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn v/v: Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;
- Thông tư số: 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số: 13/2019/TT-BNNPTNT, ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
- Thông tư số: 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;
- Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án thủy điện Phú Tân 2, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Văn bản số: 3783/UBND-KTN, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc trồng rừng thay thế của Công ty cổ phần ANI POWER;
- Biên bản làm việc, ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai, Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai, Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai và Công ty cổ phần ANI POWER Về việc thống nhất địa điểm và giải pháp thực hiện trồng rừng thay thế của Công ty cổ phần ANI POWER dự án Thủy điện Phú Tân 2.

## **III. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác**

1. Tên dự án: Dự án thủy điện Phú Tân 2

2. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (thống kê theo lô rừng)

| TT          | Lô | Vị trí |          |                                     | Diện tích (ha) | Chia ra             |             |                            |               |               | Trữ lượng |                 |
|-------------|----|--------|----------|-------------------------------------|----------------|---------------------|-------------|----------------------------|---------------|---------------|-----------|-----------------|
|             |    | Khoảnh | Tiểu khu | Đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh) |                | Phân theo nguồn gốc |             | Phân theo mục đích sử dụng |               |               | Gỗ (m3)   | Tre, nứa, (cây) |
|             |    |        |          |                                     |                | Rừng tự nhiên       | Rừng trồng  | Rừng đặc dụng              | Rừng phòng hộ | Rừng sản xuất |           |                 |
| 1           | 4  | 5      | 108      | Thanh Sơn, Định Quán, Đồng Nai      | 0,07           |                     | 0,07        |                            | 0,07          |               |           |                 |
| 2           | 5  | 5      | 108      |                                     | 0,01           |                     | 0,01        |                            | 0,01          |               |           |                 |
| 3           | 5  | 10     | 111      |                                     | 1,59           |                     | 1,59        |                            |               |               |           |                 |
| 4           | 6  | 10     | 111      |                                     | 0,1            |                     | 0,1         |                            |               |               |           |                 |
| 5           | 7  | 10     | 111      |                                     | 0,27           |                     | 0,27        |                            |               |               |           |                 |
| 6           | 8  | 10     | 111      |                                     | 0,25           |                     | 0,25        |                            | 0,25          |               |           |                 |
| 7           | 10 | 10     | 111      |                                     | 0,04           |                     | 0,04        |                            |               |               |           |                 |
| 8           | 1  | 4      | 127      |                                     | 0,02           |                     | 0,02        |                            |               |               |           |                 |
| 9           | 2  | 4      | 127      |                                     | 0,02           |                     | 0,02        |                            |               |               |           |                 |
| 10          | 4  | 4      | 127      |                                     | 0,06           |                     | 0,06        |                            |               |               |           |                 |
| 11          | 6  | 4      | 127      |                                     | 0,51           |                     | 0,51        |                            | 0,51          |               |           |                 |
| 12          | 7  | 4      | 127      |                                     | 0,19           |                     | 0,19        |                            |               |               |           |                 |
| 13          | 8  | 4      | 127      |                                     | 0,35           |                     | 0,35        |                            |               |               |           |                 |
| 14          | 9  | 4      | 127      |                                     | 0,45           |                     | 0,45        |                            |               |               |           |                 |
| 15          | 10 | 4      | 127      |                                     | 0,5            |                     | 0,5         |                            |               |               |           |                 |
| 16          | 11 | 4      | 127      |                                     | 0,04           |                     | 0,04        |                            |               |               |           |                 |
| 17          | 12 | 4      | 127      |                                     | 0,12           |                     | 0,12        |                            |               |               |           |                 |
| 18          | 13 | 4      | 127      |                                     | 0,07           |                     | 0,07        |                            |               |               |           |                 |
| <b>Tổng</b> |    |        |          |                                     | <b>4,66</b>    |                     | <b>4,66</b> |                            | <b>4,58</b>   | <b>0,08</b>   |           |                 |

3. Mục đích sử dụng đối với diện tích rừng sau khi chuyển mục đích sử dụng: Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án thủy điện Phú Tân 2, huyện Định Quán.

#### IV. Nội dung phương án trồng rừng thay thế

1. Diện tích đất trồng rừng thay thế:

- Vị trí trồng: Trên địa bàn quản lý của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, cụ thể theo bảng sau:

| TT          | Xã, huyện, tỉnh               | TK  | Khoảnh | Lô Kiểm kê 2016 | Lô quản lý | Diện tích lô (ha) | Diện tích trồng rừng thay thế (ha) | Quy hoạch 3 loại rừng |
|-------------|-------------------------------|-----|--------|-----------------|------------|-------------------|------------------------------------|-----------------------|
| 1           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 163 | 6      | 55              | 7          | 2,15              | 2,15                               | Đặc Dụng              |
| 2           | Hiếu Liêm, Vĩnh Cửu, Đồng Nai | 159 | 4      | 7               | 2          | 3,14              | 2,55                               | Đặc Dụng              |
| <b>Tổng</b> |                               |     |        |                 |            | <b>5,29</b>       | <b>4,70</b>                        |                       |

## 2. Kế hoạch trồng rừng thay thế:

### 2.1. Trồng rừng

(1) Giải pháp kỹ thuật: Trồng mới các loài cây gỗ lớn bản địa đảm bảo sự đa dạng về tổ thành loài và mật độ cây gỗ lớn trên tất cả các lô trồng rừng thay thế.

(2) Loài cây trồng: Là các loài cây gỗ lớn bản địa như: Dầu, Sao, Gỗ mật, Sấu tía,...

(3) Tiêu chuẩn cây giống đem trồng:

- Cây gỗ bản địa đem trồng là cây gieo từ hạt, có bầu, được gieo tạo và nuôi dưỡng, chăm sóc trong vườn ươm từ 16 tháng trở lên (cây 2 năm tuổi), để có khả năng cạnh tranh và thích nghi cao với hoàn cảnh rừng. Cây khỏe mạnh, tán lá xanh, cứng, cân đối, không sâu bệnh, cụt ngọn; rễ cọc không vượt ra khỏi đáy bầu và không bị cong vòng, xoắn; cây có tỉ lệ D/H cân đối. Cây có chiều cao H<sub>vn</sub> ≥ 1,0 m, đường kính cổ rễ: D<sub>0,0</sub> ≥ 1,0 cm.

- Trước khi đem cây đi trồng 15 – 20 ngày phải tiến hành đảo bầu lần cuối và tưới đẫm nước cho bầu trước khi trồng 1 ngày.

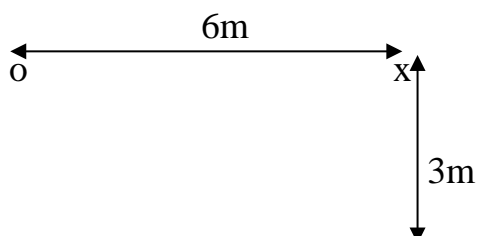
- Nguồn gốc cây giống trồng rừng thực hiện đúng theo quy chế quản lý giống của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

(4) Phương thức trồng, công thức trồng, mật độ trồng:

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao các loài cây gỗ bản địa, trên cùng một lô có ít nhất từ hai loài cây trở lên; trồng theo hàng. Tùy thuộc vào đặc tính sinh thái từng loài cây trồng, khả năng kết nhóm giữa các loài với nhau và tùy thuộc vào đặc điểm thổ nhưỡng, địa hình cụ thể của từng lô thiết kế để lựa chọn nhóm loài cây trồng cho phù hợp. Trên mỗi hàng trồng, chỉ trồng một loài cây; các hàng kế cận nhau không có sự giống nhau về loài.

- Công thức trồng:

Sơ đồ công thức trồng



|   |   |   |
|---|---|---|
| o | x | * |
| o | x | * |
| o | x | * |

Ghi chú:

(o, x, \*): Các loài cây gỗ lớn trồng mới

Cự ly cây gỗ lớn sau khi trồng: Hàng cách hàng = 6m; cây cách cây = 3m.

- Mật độ cây gỗ lớn sau khi trồng 556 cây/ha.

(5) Phương pháp trồng rừng: Trồng rừng bằng cây con có bầu, trồng theo phương pháp thủ công.

(6) Thời vụ trồng: Rừng được trồng vào giữa mùa mưa (khoảng từ đầu tháng 7) năm 2021.

(7) Kỹ thuật trồng:

- Xử lý thực bì:

+ Phương thức: Phát dọn dây leo, cỏ dại, cây bụi và cây Keo lai tái sinh trên lô bằng thủ công; gốc phát để lại  $\leq 10\text{cm}$ ;

+ Thời gian thực hiện: Đầu tháng 6 năm 2021.

- Đào hố:

+ Phương pháp: Thủ công.

+ Yêu cầu kỹ thuật:

. Thiết kế chi tiết: Trước khi cuốc hố, phải thiết kế chi tiết vị trí hố trồng theo công thức trồng rừng nêu trên. Vị trí hố trồng được cắm cọc tiêu để đánh dấu. Cọc tiêu được làm bằng cành cây hoặc cây le, tre chiều dài 0,8 – 1,0 m, đường kính 1,5 – 2,0 cm, sơn đỏ đầu trên.

. Quy cách hố trồng cây gỗ lớn: (50 x 50 x 50) cm.

- Bón lót cho cây trồng: Phân bón lót là phân vi sinh, liều lượng bón 2,0 kg/hố.

- Phương pháp trồng rừng

+ Thời gian thực hiện: Từ giữa tháng 7.

+ Phương pháp: Thủ công.

+ Yêu cầu kỹ thuật:

. Trước khi trồng phải lấp hố bằng lớp đất tơi xốp (đất tầng A) trộn với phân vi sinh.



| TT               | Hạng mục                       | ĐVT | Khối lượng | Kế hoạch thực hiện |            |            |            |            |
|------------------|--------------------------------|-----|------------|--------------------|------------|------------|------------|------------|
|                  |                                |     |            | Năm 2021           | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   |
| 1                | Trồng và chăm sóc năm thứ nhất | ha  | 4,7        | 4,7                |            |            |            |            |
| 2                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai   | ha  | 4,7        |                    | 4,7        |            |            |            |
| 3                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba    | ha  | 4,7        |                    |            | 4,7        |            |            |
| 4                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ tư    | ha  | 4,7        |                    |            |            | 4,7        |            |
| 5                | Chăm sóc, bảo vệ năm thứ năm   | ha  | 4,7        |                    |            |            |            | 4,7        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                |     |            | <b>4,7</b>         | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> | <b>4,7</b> |

#### 2.4. Dự toán kinh phí đầu tư và nguồn vốn trồng rừng thay thế

- Mức đầu tư/ha: 165.525.198 đồng
- Tổng vốn đầu tư trồng rừng: 777.968.433 đồng (*có biểu chi tiết kèm theo*)
- Nguồn vốn đầu tư: Do Công ty cổ phần ANI POWER chủ đầu tư Dự án thủy điện Phú Tân 2 đầu tư toàn bộ kinh phí.

#### V. Kiến nghị

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao cho Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai lập thiết kế, dự toán kinh phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng thay thế trong 5 năm liên tục và trực tiếp tổ chức thực hiện phương án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Kính trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai xem xét, thẩm định và phê duyệt phương án trồng rừng thay thế để Công ty ANI POWER làm cơ sở thực hiện việc trồng rừng thay thế./.

*Nơi nhận:*

- Sở NN&PTNT, CCKL;
- UBND huyện Định Quán, Vĩnh Cửu;
- Khu Bảo tồn TN-VH Đồng Nai;
- Lưu Văn thư;

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ANI POWER  
Tổng Giám đốc**

**Đặng Tất Thành**